

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128,381,545,113</b>	<b>76,031,891,501</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3,339,107,172</b>	<b>7,633,326,499</b>
1. Tiền	111		3,339,107,172	7,633,326,499
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>445,790,702</b>	<b>2,000,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		445,790,702	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>91,230,315,850</b>	<b>49,998,149,062</b>
1. Phải thu khách hàng	131		87,979,888,691	37,615,770,922
2. Trả trước cho người bán	132		2,918,862,107	12,545,346,254
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		926,878,235	259,808,219
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(595,313,183)	(422,776,333)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>24,320,510,692</b>	<b>13,556,519,850</b>
1. Hàng tồn kho	141		24,596,271,725	13,875,482,823
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(275,761,033)	(318,962,973)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>	<b>9,045,820,697</b>	<b>2,843,896,090</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,183,902,167	35,958,029
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		922,348,418	156,898,468
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150,972,095	536,705,181
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,788,598,017	2,114,334,412
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62,179,817,162</b>	<b>14,701,093,162</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.06</b>	<b>1,981,003,873</b>	<b>798,395,786</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		1,981,003,873	798,395,786
- Nguyên giá	222		4,324,021,059	2,400,451,064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,343,017,186)	(1,602,055,278)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>32,075,676,047</b>	<b>11,058,489,451</b>
1. Nguyên giá	241		36,088,125,084	11,447,788,965
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4,012,449,037)	(389,299,514)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>24,162,165,438</b>	<b>200,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20,527,731,827	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3,634,433,611	200,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.09</b>	<b>3,960,971,804</b>	<b>2,644,207,925</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	290,335,367
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		268,382,963	10,080,000
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,692,588,841	2,343,792,558
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>190,561,362,275</b>	<b>90,732,984,663</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105,002,255,497</b>	<b>39,789,294,436</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.10</b>	<b>105,002,255,497</b>	<b>30,346,149,992</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		41,268,151,954	5,633,712,600
2. Phải trả cho người bán	312		41,463,522,176	8,375,458,654
3. Người mua trả tiền trước	313		3,263,981,297	1,882,345,389
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		11,071,921,255	4,787,931,151
5. Phải trả người lao động	315		1,126,732,100	1,020,598,824
6. Chi phí phải trả	316		279,445,794	130,180,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6,095,847,029	8,317,596,374
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		432,653,892	198,327,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>9,443,144,444</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	9,443,144,444
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81,596,605,333</b>	<b>50,943,690,227</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>80,242,501,913</b>	<b>50,488,690,227</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46,139,590,000	17,525,830,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		641,231,132	25,225,341,132
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(225,341,132)	(225,341,132)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		247,637,000	250,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,018,000,000	450,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		31,421,384,913	7,262,860,227
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính : Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.12</b>	<b>1,354,103,420</b>	<b>455,000,000</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,354,103,420	455,000,000
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3,962,501,445</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>190,561,362,275</b>	<b>90,732,984,663</b>

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRẦN THỊ THU HIỀN

NGUYỄN HỮU DŨNG

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>VI.01</b>	<b>233,549,321,973</b>	<b>78,562,540,736</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.01	332,469,526	119,307,276
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>233,216,852,447</b>	<b>78,443,233,460</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	158,472,579,187	54,609,713,586
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>74,744,273,260</b>	<b>23,833,519,874</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	223,738,778	118,066,430
7 Chi phí tài chính	22	VI.04	3,031,967,754	1,049,499,360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,202,853,668	906,380,214
8 Chi phí bán hàng	24	VI.05	13,698,857,772	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5,795,440,530	10,417,045,212
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>52,441,745,982</b>	<b>12,485,041,732</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.07	32,471,894	10,323,971
12 Chi phí khác	32	VI.08	23,767,270	-
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>8,704,624</b>	<b>10,323,971</b>
<b>14 Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh</b>	<b>50</b>		<b>27,731,827</b>	<b>-</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>51</b>		<b>52,478,182,433</b>	<b>12,495,365,703</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.09	7,698,267,489	3,456,957,630
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53	VI.10	(258,302,963)	(10,080,000)
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>45,038,217,907</b>	<b>9,048,488,073</b>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2,391,148,576	-
18.2 Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		42,647,069,331	9,048,488,073
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>23,312</b>	<b>7,865</b>

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRẦN THỊ THU HIỀN

NGUYỄN HỮU DŨNG

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	206,315,957,326	73,946,987,814
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(195,300,096,992)	(79,529,432,566)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9,102,769,509)	(4,033,487,392)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1,097,884,955)	(871,500,313)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5,335,594,398)	(1,122,038,419)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40,513,554,633	9,073,329,082
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16,515,030,751)	(19,515,722,770)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>19,478,135,354</b>	<b>(22,051,864,564)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(24,640,336,119)	(429,309,725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(24,750,260,490)	(200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(49,390,596,609)</b>	<b>(2,629,309,725)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2,434,472,869	32,262,762,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	(4,384,200)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	71,932,062,046	26,069,116,415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36,290,446,956)	(25,695,001,487)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12,493,051,524)	(1,735,799,150)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>25,583,036,435</b>	<b>30,896,693,578</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(4,329,424,820)</b>	<b>6,215,519,289</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>7,633,326,499</b>	<b>1,417,807,210</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35,205,493	-
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3,339,107,172</b>	<b>7,633,326,499</b>

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRẦN THỊ THU HIỀN

NGUYỄN HỮU DŨNG

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004205 ngày 28 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở chính: Lầu 5, số 10 Phố Quang, Phường 2 Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Tổng số công ty con:

- + Số lượng công ty con được hợp nhất: 2
- + Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

Thông tin của Công ty con được hợp nhất:

- Công ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ: Lầu 7 Tòa nhà Waseco, số 10, đường Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104007086 ngày 27 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ: Số 10, đường Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Thông tin về Công ty liên kết quan trọng:

- Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 411022000207 ngày 17 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ: Số 10, đường Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM

+ Tỷ lệ phần sở hữu: 41%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 41%

### 2 Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn và thiết kế: cung cấp các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và tích hợp hệ thống trọn gói trong các lĩnh vực chống sét, nguồn ổn định và liên tục, trung tâm dữ liệu và trạm BTS.

Đầu tư: đầu tư hạ tầng cơ sở các trạm viễn thông trên phạm vi cả nước.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Thương mại: cung cấp thiết bị chống sét trực tiếp và lan truyền, các thiết bị lưu điện UPS, thiết bị chỉnh lưu, thiết bị nghịch lưu, hệ thống điều hòa không khí chính xác, hệ thống chiếu sáng công nghiệp.

Sản xuất: sản xuất các thiết bị chống sét trên đường nguồn, các thiết bị chống sét trên đường tín hiệu, các thiết bị chống sét trên đường viễn thông, thiết bị chống sét trên mạng máy tính với chất lượng tương đương với các thiết bị ngoại nhập và giá thành hợp lý.

Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì các thiết bị lưu điện UPS, thiết bị chỉnh lưu, thiết bị nghịch lưu, ứng cứu nguồn với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp

### 3 Ngành nghề kinh doanh

Mua bán thiết bị điện, điện tử máy phát điện thiết bị chống sét đại lý ký gửi hàng hóa. Tư vấn cung cấp lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin...

Mua bán hàng kim khí điện máy, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàng hóa nhiệt, khuôn, các sản phẩm cơ khí, các loại máy đo kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế- phòng nghiên cứu, trang thiết bị dạy học, vật liệu xây dựng đồng, sắt, thép và các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại, máy móc-thiết bị công nghệ ngành dầu khí.

Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp.

Sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường. xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống( trừ gia công cơ khí, xi mạ điện)

Môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Nghiên cứu chế tạo, sản xuất và sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, hóa chất ( không sản xuất tại trụ sở)

Dịch vụ lắp ráp sửa chữa và bảo trì các sản phẩm bán ra. Xây dựng dân dụng, công nghiệp dịch vụ thiết kế lắp đặt sửa chữa bảo trì mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Mua bán máy móc phụ tùng thiết bị chế biến gỗ. Xây dựng giao thông thủy lợi., dịch vụ thuê văn phòng kho bãi

### 4 Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Từ ngày 29/09/2008, công ty phát hành thêm 402.965 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên thành 21.555.480.000 VND; từ ngày 30/12/2008 công ty tăng vốn điều lệ lên: 46.139.590.000 VND do kết chuyển thặng dư cổ phiếu phát hành năm 2007 thành cổ phiếu thưởng năm 2008.

### 5 Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 119 người.

*Trong đó: Nhân viên quản lý: 16 người.*



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

### 2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

### 3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2008: 16.977 VND/USD; 23.719 VND/EUR

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

## 3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

### 5.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

## 6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

### 6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.

### 6.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

## 7 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác,....

## 9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Dự phòng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán khi do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng.

## 10 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái: Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

## 11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

### 11.1 Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

## 11.3 Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

## 11.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

## 12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008	01/01/2008
<i>Tiền mặt</i>	292,195,812	96,337,882
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	266,596,791	96,337,882
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	10,340,017	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	15,259,004	-
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	3,046,911,360	7,536,988,617
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,683,894,118	7,536,988,617
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	363,017,242	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	-	-
<i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,339,107,172</b>	<b>7,633,326,499</b>

### 2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	445,790,702	2,000,000,000
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	445,790,702	2,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>445,790,702</b>	<b>2,000,000,000</b>
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>445,790,702</b>	<b>2,000,000,000</b>

### 3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
3.1 Phải thu khách hàng		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	87,679,094,800	37,615,770,922
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	300,793,891	-
<b>Cộng</b>	<b>87,979,888,691</b>	<b>37,615,770,922</b>
3.2 Trả trước người bán		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,877,876,128	12,545,346,254
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	40,985,979	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,918,862,107</b>	<b>12,545,346,254</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 3 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2008	01/01/2008
3.3 Phải thu khác		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	926,878,235	259,808,219
<b>Cộng</b>	<b>926,878,235</b>	<b>259,808,219</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>91,825,629,033</b>	<b>50,420,925,395</b>
3.4 Dự phòng phải thu khó đòi (-)	(595,313,183)	(422,776,333)
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>91,230,315,850</b>	<b>49,998,149,062</b>

## 4 Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	2,727,949,253	2,671,906,530
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,249,644,211	2,671,906,530
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	478,305,042	-
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>	5,514,142,763	3,083,437,637
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	5,514,142,763	3,083,437,637
<i>Thành phẩm tồn kho</i>	4,216,951,391	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	4,216,951,391	-
<i>Hàng hoá</i>	12,137,228,318	8,120,138,656
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	11,869,511,360	8,120,138,656
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	267,716,958	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,596,271,725</b>	<b>13,875,482,823</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	(275,761,033)	(318,962,973)
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>24,320,510,692</b>	<b>13,556,519,850</b>

## 5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,149,207,311	35,958,029
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	34,694,856	-
<b>Cộng</b>	<b>2,183,902,167</b>	<b>35,958,029</b>
5.2 Thuế GTGT được khấu trừ		
<i>Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ</i>	922,348,418	156,898,468
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	922,348,418	156,898,468
<b>Cộng</b>	<b>922,348,418</b>	<b>156,898,468</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 5 Tài sản ngắn hạn khác (tiếp theo)

	31/12/2008	01/01/2008
5.3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
<i>Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa</i>	150,972,095	536,705,181
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	150,972,095	536,705,181
<b>Cộng</b>	<b>150,972,095</b>	<b>536,705,181</b>
5.4 Tài sản ngắn hạn khác		
<i>Tạm ứng</i>	902,807,688	1,103,991,572
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	881,762,018	1,103,991,572
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	21,045,670	-
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	4,885,790,329	1,010,342,840
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	4,102,969,414	1,010,342,840
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	782,820,915	-
<b>Cộng</b>	<b>5,788,598,017</b>	<b>2,114,334,412</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>9,045,820,697</b>	<b>2,843,896,090</b>

## 6 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	1,103,619,160	1,296,831,904	2,400,451,064
- Mua trong năm	-	1,535,696,595	209,651,419	1,745,348,014
- Tăng khác	178,221,981	-	-	178,221,981
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	178,221,981	2,639,315,755	1,506,483,323	4,324,021,059
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	726,157,511	875,897,767	1,602,055,278
- Khấu hao trong năm	65,281,345	397,950,428	277,730,135	740,961,908
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	65,281,345	1,124,107,939	1,153,627,902	2,343,017,186
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	-	377,461,649	420,934,137	798,395,786
Số dư cuối năm	112,940,636	1,515,207,816	352,855,421	1,981,003,873



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 7 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>				
Cơ sở hạ tầng _ Trạm BTS (*)	11,447,788,965	24,640,336,119	-	36,088,125,084
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Cơ sở hạ tầng _ Trạm BTS	389,299,514	3,623,149,523	-	4,012,449,037
<b>Giá trị còn lại</b>				
Cơ sở hạ tầng _ Trạm BTS	11,058,489,451	21,017,186,596	-	32,075,676,047

(\*): Nguyên giá được ghi nhận theo giá trị dự toán của những trạm BTS đã đưa vào hoạt động cho thuê

## 8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ góp vốn	31/12/2008	01/01/2008
8.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu	41%	20,527,731,827	-
<b>Cộng</b>		<b>20,527,731,827</b>	<b>-</b>
8.2 Đầu tư dài hạn khác			
Đầu tư cổ phiếu Cty Cổ phần Tên Lửa (20.000CP)		200,000,000	200,000,000
Đầu tư TNHH Việt Sơn		1,500,000,000	-
Tiền gửi dài hạn tại ngân hàng Techcombank		1,934,433,611	-
<b>Cộng</b>		<b>3,634,433,611</b>	<b>200,000,000</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>24,162,165,438</b>	<b>200,000,000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	-
<b>Cộng giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>24,162,165,438</b>	<b>200,000,000</b>

## 9 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
9.1 Chi phí trả trước dài hạn		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	-	290,335,367
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>290,335,367</b>
9.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được Khấu trừ.	278,462,963	10,080,000
- Khoản hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.	(10,080,000)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>268,382,963</b>	<b>10,080,000</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 9 Tài sản dài hạn khác (tiếp theo)

	31/12/2008	01/01/2008
9.3 Tài sản dài hạn khác		
<i>Ký quỹ dài hạn tại ngân hàng</i>	<i>1,544,738,841</i>	<i>967,887,558</i>
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,544,738,841	967,887,558
<i>Đặt cọc thuê nhà</i>	<i>2,147,850,000</i>	<i>1,375,905,000</i>
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,147,850,000	1,375,905,000
<b>Cộng</b>	<b>3,692,588,841</b>	<b>2,343,792,558</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>3,960,971,804</b>	<b>2,644,207,925</b>

## 10 Nợ ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
10.1 Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	41,268,151,954	5,633,712,600
+ Vay ngân hàng	12,517,784,954	2,033,712,600
+ Vay đối tượng khác	28,750,367,000	3,600,000,000
<b>Cộng</b>	<b>41,268,151,954</b>	<b>5,633,712,600</b>
10.2 Phải trả người bán		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	34,300,000,604	8,375,458,654
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	7,159,346,658	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	4,174,914	-
<b>Cộng</b>	<b>41,463,522,176</b>	<b>8,375,458,654</b>
10.3 Người mua trả tiền trước		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	2,216,430,791	1,882,345,389
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	1,047,550,506	-
<b>Cộng</b>	<b>3,263,981,297</b>	<b>1,882,345,389</b>
10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>5,844,185,107</i>	<i>2,206,237,642</i>
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	5,759,244,089	2,206,237,642
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	65,406,526	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	19,534,492	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>4,929,833,380</i>	<i>2,480,556,424</i>
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	3,673,368,682	2,480,556,424
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	1,221,261,077	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	35,203,621	-

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 10 Nợ ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2008	01/01/2008
10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)		
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	297,902,768	101,137,085
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	281,974,096	101,137,085
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	15,896,200	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	32,472	-
<b>Cộng</b>	<b>11,071,921,255</b>	<b>4,787,931,151</b>
10.5 Phải trả người lao động		
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	858,031,503	1,020,598,824
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	268,700,597	-
<b>Cộng</b>	<b>1,126,732,100</b>	<b>1,020,598,824</b>
10.6 Chi phí phải trả		
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	275,390,794	130,180,000
+ Trích trước chi phí nhân công, vận chuyển lắp đặt	134,422,081	94,180,000
+ Trích trước chi phí lãi vay cá nhân	140,968,713	36,000,000
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	4,055,000	-
+ Trích trước giá vốn hàng hóa	4,055,000	-
<b>Cộng</b>	<b>279,445,794</b>	<b>130,180,000</b>
10.7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
<i>Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế</i>	55,401,465	92,605,774
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	54,158,602	92,605,774
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	17,710	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,225,153	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	5,412,359,093	5,821,392,000
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	5,412,359,093	5,821,392,000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	628,086,471	2,403,598,600
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	503,086,471	2,403,598,600
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	125,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>6,095,847,029</b>	<b>8,317,596,374</b>
10.8 Dự phòng phải trả ngắn hạn		
<i>Dự phòng bảo hành công trình</i>	432,653,892	198,327,000
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	432,653,892	198,327,000
<b>Cộng</b>	<b>432,653,892</b>	<b>198,327,000</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>105,002,255,497</b>	<b>30,346,149,992</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 11 Nợ dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác		
<i>Giá trị đầu tư trạm BTS</i>	-	9,443,144,444
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	-	9,443,144,444
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9,443,144,444</b>

## 12 Vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2008	01/01/2008
12.1 Nhà đầu tư và vốn góp			
<i>Các cổ đông chính</i>			
Cổ đông sáng lập	49.9%	23,014,720,000	7,354,620,000
Cổ đông chiến lược	24.1%	11,109,990,000	5,000,000,000
Cổ đông khác	16.5%	7,624,480,000	2,737,930,000
Công nhân viên	9.1%	4,212,900,000	2,255,780,000
Cổ phiếu quỹ	0.4%	177,500,000	177,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>46,139,590,000</b>	<b>17,525,830,000</b>
12.2 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
<i>Vốn góp đầu năm</i>		17,525,830,000	8,583,030,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		28,613,760,000	8,942,800,000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>		46,139,590,000	17,525,830,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		(15,660,561,524)	(1,735,799,150)
12.3 Cổ phiếu			
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		4,613,959	1,752,583
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn		4,613,959	1,752,583
<i>Cổ phiếu thường</i>		4,527,219	1,752,583
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		86,740	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		(17,750)	(17,750)
<i>Cổ phiếu thường</i>		(17,750)	(17,750)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		4,596,209	1,734,833
<i>Cổ phiếu thường</i>		4,509,469	1,734,833
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		86,740	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.			

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 12 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	31/12/2008	01/01/2008
12.5 Các quỹ của DN		
Quỹ đầu tư phát triển	247,637,000	250,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,018,000,000	450,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,265,637,000</b>	<b>700,000,000</b>
12.6 Nguồn kinh phí và quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
<i>Quỹ khen thưởng</i>	724,211,733	135,000,000
<i>Quỹ phúc lợi</i>	629,891,687	320,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,354,103,420</b>	<b>455,000,000</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

### 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Doanh thu kinh Doanh sản phẩm</i>	50,330,169,347	22,947,296,362
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	50,330,169,347	22,947,296,362
<i>Doanh thu kinh doanh dự án, tích hợp</i>	70,684,690,377	40,733,858,058
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	68,437,829,403	40,733,858,058
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	2,246,860,974	-
<i>Doanh thu sản xuất</i>	35,770,229,842	2,500,643,166
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	35,770,229,842	2,500,643,166
<i>Doanh thu đầu tư</i>	14,523,500,150	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	14,523,500,150	-
<i>Doanh thu dịch vụ kỹ thuật</i>	62,240,732,257	12,380,743,150
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	62,240,732,257	12,380,743,150
<b>Cộng</b>	<b>233,549,321,973</b>	<b>78,562,540,736</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	332,469,526	119,307,276
+ Hàng bán bị trả lại	332,469,526	119,307,276
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>233,216,852,447</b>	<b>78,443,233,460</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Giá vốn kinh Doanh sản phẩm</i>	40,508,090,878	15,892,128,495
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	40,508,090,878	15,892,128,495
<i>Giá vốn kinh doanh dự án, tích hợp</i>	43,772,276,795	28,357,631,674
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	42,398,080,396	28,357,631,674
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	1,374,196,399	-
<i>Giá vốn sản xuất</i>	19,227,937,300	1,740,869,174
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	19,227,937,300	1,740,869,174
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	-	-
<i>Giá vốn đầu tư</i>	11,542,842,214	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	11,542,842,214	-
<i>Giá vốn dịch vụ kỹ thuật</i>	43,421,432,000	8,619,084,242
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	43,421,432,000	8,619,084,242
<b>Cộng</b>	<b>158,472,579,187</b>	<b>54,609,713,586</b>

## 3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Lãi tiền gửi , lãi cho vay</i>	128,680,124	31,138,112
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	118,904,544	31,138,112
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	9,775,580	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	81,431,893	86,928,318
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	81,431,893	86,928,318
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	13,626,761	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	13,626,761	-
<b>Cộng</b>	<b>223,738,778</b>	<b>118,066,430</b>

## 4 Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Chi phí lãi vay</i>	1,202,853,668	906,380,214
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,202,853,668	906,380,214
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	1,427,475,047	128,481,288
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,421,568,884	128,481,288
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	5,906,163	-
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	401,639,039	14,637,858
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	401,639,039	14,637,858
<b>Cộng</b>	<b>3,031,967,754</b>	<b>1,049,499,360</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 5 Chi phí bán hàng

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Chi phí vật liệu, bao bì</i>	59,387,440	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	50,379,430	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	9,008,010	-
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	245,234,820	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	229,592,374	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	15,642,446	-
<i>Chi phí nhân viên</i>	8,248,508,050	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	7,408,906,491	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	839,601,559	-
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	184,902,350	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	171,481,437	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	13,420,913	-
<i>Chi phí bảo hành</i>	554,340,098	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	554,340,098	-
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	18,905,003	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	18,905,003	-
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	3,522,713,783	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	3,267,594,050	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	255,119,733	-
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	864,866,228	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	801,185,773	-
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	63,660,255	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	20,200	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>13,698,857,772</b>	<b>-</b>

## 6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	331,358,549	143,335,016
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	322,848,549	143,335,016
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	8,510,000	-
<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	93,442,345	421,528,746
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	38,019,856	421,528,746
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	55,422,489	-
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	1,767,238,312	4,156,023,567
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,570,554,238	4,156,023,567
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	189,944,666	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	6,739,408	-
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	419,400,488	362,289,557
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	419,400,488	362,289,557



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 6 Chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	134,061,354	280,129,348
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	129,430,421	280,129,348
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	3,210,933	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,420,000	-
<i>Chi phí dự phòng</i>	264,904,896	501,687,986
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	264,904,896	501,687,986
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	1,436,466,863	2,238,834,705
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,252,660,379	2,238,834,705
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	183,806,484	-
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	1,348,567,723	2,313,216,287
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	1,334,336,977	2,313,216,287
- Công Ty TNHH Liên Doanh Global - Sitem	9,715,371	-
- Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	4,515,375	-
<b>Cộng</b>	<b>5,795,440,530</b>	<b>10,417,045,212</b>

## 7 Thu nhập khác

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu</i>	32,471,894	10,323,971
+ Điều chỉnh do CLTG lô hàng bảo hành	27,830,831	-
+ Điều chỉnh giảm dự phòng nợ khó đòi	-	6,023,971
+ Tiền phạt hợp đồng cty SIC	2,744,415	-
+ Điều chỉnh chênh lệch VAT đầu vào	1,046,250	-
+ Thu thanh lý xe máy	600,000	-
+ Thu nhập khác	250,398	4,300,000
<b>Cộng</b>	<b>32,471,894</b>	<b>10,323,971</b>

## 8 Chi phí khác

	Năm 2008	Năm 2007
<i>Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu</i>	23,767,270	-
+ Chi phí tiền phạt vi phạm	16,677,051	-
+ Chi phí khác	7,090,219	-
<b>Cộng</b>	<b>23,767,270</b>	<b>-</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2008	Năm 2007
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52,478,182,433	12,495,365,703
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1,432,838,251	(149,088,454)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,496,570,078	90,962,866
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	150,047,220	54,962,866
+ Khoản thù lao HĐQT và BKS không tham gia điều hành	36,500,000	27,000,000
+ Tiền phạt	113,547,220	22,641,684
+ Chi phí khác không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế	-	5,321,182
Các khoản chi phí trích trước	958,510,580	36,000,000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	388,012,278	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(63,731,827)	(240,051,320)
CP thuế TNDN hoãn lại năm 2006	-	(240,051,320)
CP thuế TNDN hoãn lại năm 2007	(36,000,000)	-
Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh	(27,731,827)	-
Tổng thu nhập của hoạt động SXKD không chịu thuế trong kỳ	14,753,781,050	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	39,157,239,634	12,346,277,249
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>10,964,027,097</b>	<b>3,456,957,630</b>
<b>Thuế thu TNDN được giảm theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP (*)</b>	<b>(3,265,759,608)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2008</b>	<b>7,698,267,489</b>	<b>3,456,957,630</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và o chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7,698,267,489</b>	<b>3,456,957,630</b>

## 10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu Thuế	(258,302,963)	(10,080,000)
- Chi phí Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	10,800,000	67,214,369
- Thu nhập Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(10,800,000)	(67,214,369)
<b>- Tổng Chi phí Thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(258,302,963)</b>	<b>(10,080,000)</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45,038,217,907	9,048,488,073
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(2,391,148,576)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2,391,148,576)	-
+ Lợi nhuận sau thuế tương ứng với phần lợi ích của cổ đông thiểu số	(2,391,148,576)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	<b>42,647,069,331</b>	<b>9,048,488,073</b>
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,829,438	1,150,475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>23,312</b>	<b>7,865</b>

## 12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143,871,452,697	22,257,843,471
Chi phí nhân công	10,997,603,988	5,145,275,565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,942,007,970	362,289,557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,962,592,524	5,463,617,234
Chi phí khác bằng tiền	13,193,220,310	4,614,288,002
<b>Cộng</b>	<b>177,966,877,489</b>	<b>37,843,313,829</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

*Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	67.4%	83.8%
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	32.6%	16.2%
<b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>		
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	55.1%	43.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	42.8%	56.1%
<b>Khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán hiện hành		
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		
Khả năng thanh toán nhanh	3.2%	25.2%

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh (tiếp theo).*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
<b>Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu</b>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	22.5%	15.9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	19.3%	11.5%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản</b>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	27.5%	13.8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	23.6%	10.0%
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>55.2%</b>	<b>17.8%</b>

TP HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2009

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**TRẦN THỊ THU HIỀN**

**NGUYỄN HỮU DŨNG**